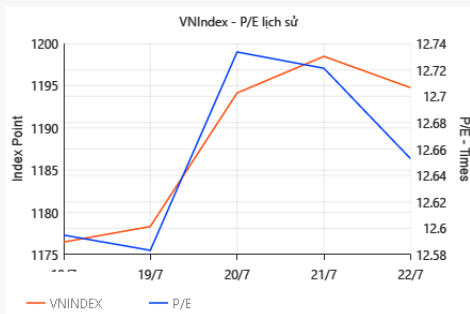


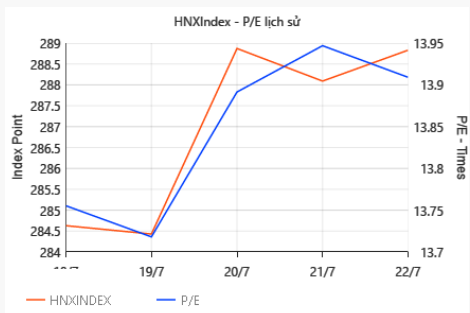


## VN-INDEX



Điểm số	<b>1,194.76</b>
Tuần qua (WoW)	1.32%
Từ đầu năm (YTD)	-20.26%
Khối lượng khớp lệnh trung bình 1 phiên	-0.51%
Giá trị khớp lệnh trung bình 1 phiên	4.46%
P/E	12.65
P/B	2.03

## HNX -INDEX



Điểm số	<b>288.83</b>
Tuần qua (WoW)	1.56%
Từ đầu năm (YTD)	-39.06%
Khối lượng khớp lệnh trung bình 1 phiên	7.12%
Giá trị khớp lệnh trung bình 1 phiên	5.51%
P/E	13.91
P/B	1.63

Chuyên viên Phân tích

**Đỗ Trung Nguyên**

[nguyendt@gtjas.com.vn](mailto:nguyendt@gtjas.com.vn)

(024) 35.730.073 - ext:702

**Võ Thế Vinh**

[vinhvt@gtjas.com.vn](mailto:vinhvt@gtjas.com.vn)

(024) 35.730.073 - ext:701

## THẬN TRỌNG

### NHẬN ĐỊNH CHIẾN LƯỢC

Các diễn biến vĩ mô khó lường về lạm phát, giá cả trên thế giới khiến cho NHNN đã phải đặt điều hành chính sách vào điều kiện ưu tiên kiểm soát rủi ro. Việc giá xăng xuống tạo kỳ vọng giảm áp lực lạm phát nhưng còn quá sớm để khẳng định điều gì khi nửa sau của năm vẫn còn biến số nhu cầu tiêu thụ từ Trung Quốc khi nền kinh tế - xã hội nước này quay trở lại bình thường và các lệnh phong tỏa được dỡ bỏ. Chính sự thận trọng trong chính sách cũng khiến cho nhà đầu tư phải tự nhắc mình về việc ưu tiên quản trị rủi ro cho danh mục. Vận động tích lũy tạo đáy hiện tại có thể sẽ theo hình mẫu giảm co hơn là tạo đáy chữ V, mặc dù một số số liệu gần đây cũng có nhắc đến lượng tiền mặt trong tài khoản nhà đầu tư đang cao kỷ lục. Nhưng diễn biến tăng ở mặt bằng lãi suất hoàn toàn có thể kéo lượng tiền chờ giải ngân đổ ra khỏi thị trường.

### CHIẾN THUẬT GIAO DỊCH

Thị trường đứng trước rủi ro tạo đỉnh ngắn hạn. Do đó, các vị thế ngắn hạn sẽ đứng trước áp lực và nên được cân nhắc đóng lại. Với việc giải ngân trung dài hạn, do mang tính tích lũy nên cách làm cũng sẽ là chia làm nhiều lần và ưu tiên vùng giá thấp.



**DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ GUOTAI JUNAN VIỆT NAM**

**Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)**

**Kỳ đầu tư: 6-18 tháng**

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN	Giá khi khuyến nghị	Khuyến nghị	Giá mục tiêu	Upside kỳ vọng	Upside còn lại	Vượt mục tiêu	Tổng biến động
BID	24/02/22	1	44,600	Mua	55,000	17.0%	54.9%		-20.4%
TCB	27/01/22	1	52,400	Mua	64,500	23.1%	73.9%		-29.2%
MWG*	06/08/21	3	56,500	Nắm giữ	60,650	7.3%		6.3%	170.7%
CTG	04/08/21	1	33,200	Mua	38,400	15.7%	42.8%		-19.0%
TDM	30/07/21	1	30,050	Mua	40,000	33.1%	2.3%		30.1%
HAH*	03/08/21	3	34,300	Nắm giữ	42,100	22.7%		56.8%	304.9%
OCB*	02/08/21	2	24,300	Mua	27,700	14.0%	57.4%		-15.1%
VHM*	31/05/21	2	75,820	Nắm giữ	75,550	0%	28.7%		4.6%
SZC*	23/04/21	1	35,750	Nắm giữ	41,000	14.7%		22.2%	40.1%
DHC*	30/10/20	1	34,440	Giảm tỷ trọng	38,760	17.1%		67.7%	88.7%
ACB*	05/02/21	2	22,830	Nắm giữ	29,110	27.5%	19.5%		35.3%
VPB*	05/02/21	2	22,820	Nắm giữ	24,670	8.1%		14.1%	100.2%
MBB	11/06/21	3	29,185	Tăng tỷ trọng	32,593	11.7%	27.6%		101.9%
VIB*	05/02/21	1	25,297	Nắm giữ	32,157	27.1%	22.7%		3.6%
TPB*	05/02/21	1	19,778	Nắm giữ	25,556	29.2%		9.8%	41.8%
PNJ*	31/07/20	2	80,300	Nắm giữ	85,400	6.3%		34.1%	127.2%
SBT*	02/08/20	2	20,550	Nắm giữ	24,000	16.8%	23.6%		-1.6%
QNS*	08/02/21	1	37,200	Mua	54,000	45.2%	22.2%		18.8%

(\*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.

**Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)**

**Kỳ đầu tư: 3-6 tháng**

**Hiện tại đang đóng**



## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Thị trường có một tuần tăng điểm khá đồng đều trên cả 2 sàn với mức tăng 1.32% trên HSX và 1.56% trên HNX. Đà tăng tập trung chủ yếu vào phiên 20/7 và trở nên yếu dần khi chỉ số tiệm cận ngưỡng cản tâm lý 1,200. Thanh khoản cải thiện rõ rệt hơn trên sàn HNX và chỉ số sàn Hà Nội cũng duy trì mức tăng điểm của tuần tốt hơn chỉ số sàn HOSE. Độ rộng thị trường nghiêng về phía mua với 416 mã tăng điểm / 232 mã giảm điểm.

Trụ kéo điểm chính trong tuần qua là GAS và các cổ phiếu bán lẻ, hàng tiêu dùng như như MSN, SAB và MWG. Chiều ngược lại bộ đôi VIC, VHM và HPG là các trụ lấy điểm chính của thị trường. Do trong các ngành liên quan thì các mã đầu ngành có vốn hóa lớn áp đảo nên bức tranh chung về nhóm ngành cũng là Tiện ích, Dầu khí, Bán lẻ, F&B dẫn đầu về mức tăng điểm tuần qua trong khi Thép (thuộc tài nguyên cơ bản), Bất động sản dẫn đầu ở phía ngược lại. Tuy nhiên, số lượng nhóm ngành tăng điểm cũng khá áp đảo trong tuần qua.

Nhà đầu tư cá nhân trong nước và quốc tế đều bán ròng trong tuần và được mua ròng bởi tổ chức nước ngoài và tổ chức trong nước với giá trị mua ròng của tổ chức nước ngoài gấp đôi so với tổ chức trong nước. Đáng chú ý, một số mã đầu cơ bị rơi điểm rất mạnh giai đoạn trước cũng đã thu hút dòng tiền nhỏ lẻ trở lại trên thị trường, tiêu biểu là DIG khi đây là mã dẫn đầu về giá trị giao dịch của nhà đầu tư cá nhân.

Việc chứng khoán Việt Nam tăng điểm cũng không quá nổi bật trong tuần qua so với đà tăng của hầu hết các chỉ số cổ phiếu trên thế giới. Dẫn đầu là Nhật Bản (với Nikkei 225) và Ấn độ (với Nifty 50 và Sensex index). Một số diễn biến bất ngờ tiêu cực như mức tăng lãi suất lên đến 0.5% của ECB (NHTW Châu Âu) đều đã được phản ánh vào giá trong vài tuần trước.

### VN-INDEX



(Đồ thị tuần của VNIndex)



(Đồ thị ngày của VNIndex)

### Nhận định

VNINDEX có tuần tăng 1.3%, mở cửa tuần cao hơn tham chiếu và cao hơn mức thấp nhất tuần, đóng cửa tuần cao hơn mở cửa tuần và thấp hơn mức cao nhất tuần, khối lượng giao dịch cả tuần thấp hơn tuần liền trước và thấp hơn trung bình.

Về diễn biến cụ thể, thị trường có ngày thứ hai đầu tuần mở cửa tương đối hưng phấn nhưng đến cuối ngày thì lại đóng cửa giảm điểm. Ngày thứ ba chứng kiến VNIndex bật lên trong buổi chiều sau khi suy yếu trong buổi sáng và đóng cửa cao hơn mở cửa cũng nhưng tăng điểm. Diễn biến có phần tích cực đó được nối tiếp bởi sự hưng phấn trong buổi sáng ngày thứ tư khi chỉ số chung nhảy bật lên ngay khi mở cửa và tiếp tục tăng trong buổi sáng, tuy nhiên điều quan trọng là lực mua giá cao suy yếu nhanh chóng và lực bán giá thấp gia tăng mạnh trong buổi chiều. Diễn biến tương tự xảy ra trong ngày thứ năm, chỉ là với biên độ ngày thu hẹp hẳn lại và khối lượng giao dịch cũng suy yếu đi. Đến ngày thứ sáu cuối tuần thì sau khi dao động trong phần lớn thời gian ngày ở phía trên tham chiếu, VNIndex đã suy yếu vào cuối ngày và đóng cửa giảm điểm, với khối lượng giao dịch cả ngày tiếp tục suy yếu và khối lượng giao dịch trong ngày gia tăng khi giá giảm.

Như đã đề cập và nhắc lại nhiều hơn một lần trong các nhận định trong tuần, tương quan cung cầu có sự thay đổi ngay trong ngày thứ tư khi thị trường bật tăng, chỉ có điều việc thị trường tăng điểm đã khóa lấp đi sự thay đổi đó. Cho đến ngày thứ năm và rõ ràng hơn là ngày thứ sáu cuối tuần thì việc tương quan cung cầu nghiêng về phía bán đã thể hiện lên mặt điểm số, khi VNIndex đóng cửa giảm điểm. Nhìn chung, dù vẫn giữ nguyên kịch bản tạo đáy trung dài hạn ở vùng điểm hiện tại nhưng trong lúc này, việc thị trường tạo đỉnh ngắn hạn để quay lại vùng đáy một lần nữa là điều nằm trong dự kiến.

Vai trò	Vùng điểm của VNIndex
Hỗ trợ	1,150
Kháng cự	1,400



## THỐNG KÊ CÁC KHUYẾN NGHỊ ĐÃ ĐÓNG

### 1. Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)

#### Các trạng thái đã chốt lời một phần của Danh mục

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Giá đóng cửa tại ngày chốt	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
CEO*	06/04/21	13,000 – 13,700	19,000	11,900	70,800	416.8%	76,500	458.4%
DIG*	08/04/21	25,667 – 26,522	40,211	23,186	97,000	265.7%	104,500	294.0%

#### Các trạng thái đã chốt lời của Danh mục

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
BMC	11/10/21	25,200 – 27,200	45,200	21,100	1:3	1.1%	33,000	21.3%
TNG	24/08/21	22,833 – 24,120	31,833	21,481	1:3	36.8%	38,950	61.5%
SLS	18/08/21	131,000 – 147,000	212,000	125,000	1:3	2.0%	172,730	17.5%
BWE*	16/07/21	35,000 – 36,000	45,000	32,900	1:3	58.3%	62,000	72.2%
LAS*	21/06/21	13,000 – 14,000	19,000	11,800	1:2.3	78.6%	27,800	98.6%
ABI*	17/06/21	45,614 – 49,123	65,789	42,982	1:2.7	26.2%	68,000	38.4%
VND*	09/06/21	14,600 – 15,600	21,000	13,500	1:2.5	105.1%	36,250	132.4%
DPG*	31/05/21	26,500 – 27,929	42,571	24,000	1:4	199.0%	97,920	250.6%
GVR	28/05/21	26,300 – 29,500	48,400	23,900	1:3.5	25.1%	43,300	46.8%
BID	28/05/21	36,400 – 38,400	51,600	33,600	1:3	15.9%	49,950	30.1%
SSI*	20/05/21	21,000 – 22,300	27,850	19,700	1:2	81.6%	52,130	133.8%
SGR	12/05/21	25,500 – 28,500	44,000	24,000	1:3.5	35.2%	43,550	61.3%
BSR*	11/05/21	14,900 – 16,100	22,000	13,600	1:2.3	100.6%	33,500	108.1%
SMC*	11/05/21	29,000 – 31,250	41,670	25,850	1:2	12.6%	45,740	46.4%
BCG*	12/04/21	13,200 – 13,600	17,533	12,333	1:3	98.5%	28,850	112.1%
GMD*	07/04/21	33,800 – 35,000	53,800	32,700	1:5	68.6%	62,200	77.7%
STB*	30/03/21	19,500 – 21,000	28,500	18,300	1:3	61.9%	36,700	74.8%
TTF*	29/03/21	6,900 – 7,500	13,000	6,200	1:4	93.3%	17,950	139.3%
VIC*	26/03/21	96,900 – 101,300	128,900	95,100	1:4.5	6.6%	129,690	28.0%
VCB	18/03/21	74,530 – 76,250	97,000	72,700	1:6	18.0%	96,000	25.9%
GEG*	08/03/21	15,610 – 16,650	24,245	14,580	1:4	47.1%	27,360	35.1%
FCN*	08/03/21	13,700 – 14,700	21,700	13,100	1:4.5	97.3%	37,000	151.7%
PVD*	05/03/21	23,500 – 25,500	40,000	21,900	1:4	41.6%	33,580	58.0%
TIG*	05/03/21	7,545 – 8,455	13,636	7,273	1:4.5	172.0%	28,800	240.6%
GAS*	17/02/21	80,000 – 83,500	117,000	73,700	1:3.5	44.9%	130,440	56.2%
CNG*	17/02/21	19,900 – 21,000	29,500	18,600	1:3.5	119.0%	49,100	133.8%
CCL*	17/02/21	8,930 – 9,820	16,070	7,770	1:3	73.1%	18,570	89.1%
SAM*	17/02/21	10,730 – 11,590	21,555	9,770	1:5	81.2%	28,260	143.8%
LAF*	27/01/21	12,800 – 14,500	21,500	11,800	1:2.5	57.9%	27,000	86.2%
VSH*	25/01/21	18,000 – 19,700	30,000	16,900	1:3.5	132.0%	48,000	143.7%
MSR*	21/12/20	19,000 – 21,000	31,000	17,800	1:3	40.5%	34,300	63.3%
SFI*	09/12/20	29,200 – 31,000	46,500	27,700	1:5	153.2%	88,260	184.7%
PGV*	23/11/20	12,510 – 13,462	22,510	11,271	1:4	174.8%	42,290	85.6%
CKG*	19/11/20	8,230 – 8,650	11,300	7,890	1:3.5	283.8%	41,800	383.2%
DRI*	20/10/20	4,030 – 4,530	9,530	3,230	1:4	312.8%	20,780	358.7%
CEO*	06/04/21	13,000 – 13,700	19,000	11,900	1:3	508.0%	100,000	629.9%
DIG*	08/04/21	25,667 – 26,522	40,211	23,186	1:4	322.3%	125,200	372.1%
IDC*	28/05/21	36,000 – 38,500	56,000	33,000	1:3	55.1%	59,700	55.1%
SGP*	01/12/20	10,500 – 11,000	18,500	9,500	1:5	281.8%	42,000	281.8%
SMC*	30/10/20	11,200 – 12,000	16,000	11,000	1:4	33.3%	25,500	112.5%
G36*	05/11/20	9,160 – 9,830	13,300	8,770	1:3	35.3%	14,700	49.5%
LSS*	17/11/20	7,100 – 7,500	12,000	6,400	1:4	60.0%	12,100	61.3%
POS*	18/11/20	11,500 – 12,000	19,000	9,950	1:2.5	50.8%	20,500	62.7%
SAC*	01/12/20	8,800 – 9,500	14,700	8,300	1:4	54.7%	16,400	72.6%



**Các trạng thái đã chốt lời sớm/cắt sớm**

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
LDG	22/10/20	6,600 – 6,800	10,300	6,100	1:5	23.1%	8,370	23.1%
HAG	13/11/20	4,500 – 4,700	8,000	4,250	1:7	0.0%	6,450	37.2%
PXS	17/11/20	6,000 – 6,400	11,000	5,300	1:4	0.0%	9,000	40.6%

**Các trạng thái đã cắt lỗ**

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Mức lỗ	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
VSH	09/11/20	20,500 – 21,000	30,000	18,900	1:4	-10.0%	19,281	-8.2%
MFS	30/12/20	27,300 – 29,000	39,000	26,300	1:4	-9.3%	33,900	16.9%
BWE	30/12/20	30,800 – 33,300	42,800	29,300	1:2.3	-12.0%	33,765	1.4%
CMX	31/12/20	17,000 – 18,500	25,000	16,200	1:3	-12.4%	20,000	8.1%

**2. Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)**

**Các mã được điều chỉnh giá mục tiêu**

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN / Tổng	Giá khi khuyến nghị	Giá mục tiêu cũ	Upside ban đầu	Tổng mức biến động	Ngày đóng khuyến nghị	Giá mục tiêu mới	Điều chỉnh giá mục tiêu
MWG*	08/02/21	2/3	128,500	154,500	20.2%	133.4%	06/08/21	184,000	+19.1%
VHM*	16/11/20	1/2	76,600	88,315	15.3%	33.9%	31/5/21	102,300	+15.8%
HAH*	31/05/21	2/3	28,200	35,100	24.5%	105.5%	03/08/21	60,000	+70.9%
OCB*	20/05/21	1/2	20,720	24,800	19.7%	17.3%	02/08/21	27,700	+11.7%
HAH	02/04/21	1 / 2	24,650	29,800	20.9%	14.4%	31/05/21	35,100	+17.8%
MBB*	05/02/21	2 / 3	39,400	27,000	9.1%	130.6%	11/06/21	44,000	+62.9%
SBT*	02/11/20	1 / 2	18,500	22,200	20.0%	11.1%	08/02/21	24,000	+8.1%
ACB*	28/09/20	1 / 2	22,500	27,400	27.5%	26.7%	05/02/21	36,350	+32.7%
VPB*	28/09/20	1 / 2	22,800	27,400	20.2%	62.3%	05/02/21	40,000	+46.0%
MBB*	28/09/20	1 / 3	17,087	20,000	17.0%	44.8%	05/02/21	27,000	+35.0%
MWG*	31/07/20	1 / 3	73,470	123,000	67.4%	74.9%	08/02/21	154,500	+25.6%
PNJ*	31/07/20	1 / 2	51,000	74,200	45.5%	58.6%	08/02/21	86,000	+15.9%

(\*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.



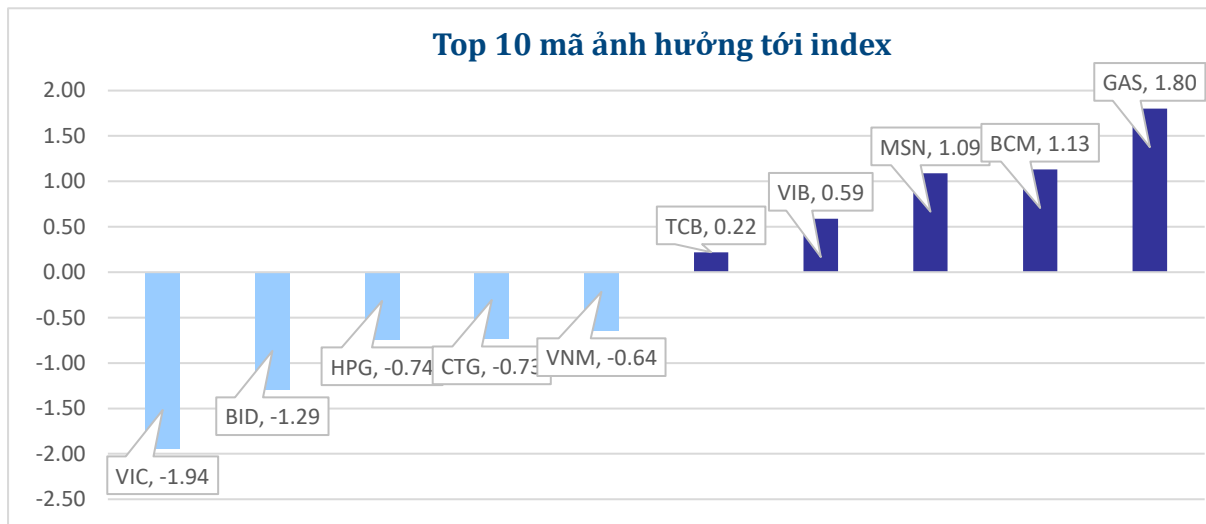
**BIẾN ĐỘNG NGÀY**

Chỉ số	Điểm số	Biến động	Điểm	Khối lượng GD (triệu CP)	Giá trị GD (tỷ đồng)	Số mã tăng	Số mã không đổi	Số mã giảm
VN - Index	1,194.76	-0.31%	-3.71	477.95	10,868.9	182	66	279
Vn30 - Index	1,228.84	-0.52%	-6.41	122.04	4,333.1	7	1	22
Vn - Mid	1,629.91	-0.20%	-3.21	179.56	4,294.5	20	6	44
VN - Small	1,463.42	-0.60%	-8.76	84.84	1,376.6	83	26	103
HNX - Index	288.83	0.26%	0.74	60.10	1,161.8	80	58	201
Upcom - Index	88.84	-0.31%	-0.28	59.23	768.3	196	89	145

**THANH KHOẢN NGÀY**

Sàn	Giá trị giao dịch (tỷ đồng)	Thay đổi so với phiên trước	Khối lượng giao dịch (triệu CP)	Thay đổi so với phiên trước
HSX	10,868.90	-10.32%	477.95	-9.87%
HNX	1,161.80	-4.25%	60.10	-6.93%

**CỔ PHIẾU NỔI BẬT TRONG NGÀY**

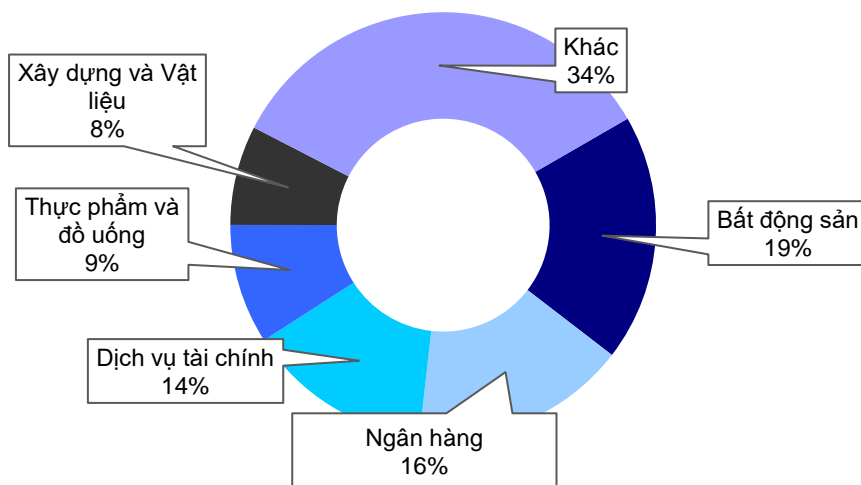


Top KLGD (triệu cổ phiếu)		Top GTGD (tỷ đồng)		Đột biến khối lượng (%KL/KL10 phiên)		Top tăng điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)		Top giảm điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)	
SSI	17.91	SSI	379.9	BCM	474%	BCM	6.9%	CTF	-6.9%
HPG	16.64	HPG	373.6	VPG	310%	VIB	4.4%	DPM	-4.2%
VND	15.43	MWG	354.7	AAA	290%	AAA	3.7%	CSV	-4.1%
SHB	14.39	VND	296.3	VIB	259%	DBC	3.7%	DCM	-3.3%
SHS	13.06	STB	268.9	MSN	224%	GAS	3.6%	FRT	-3.2%

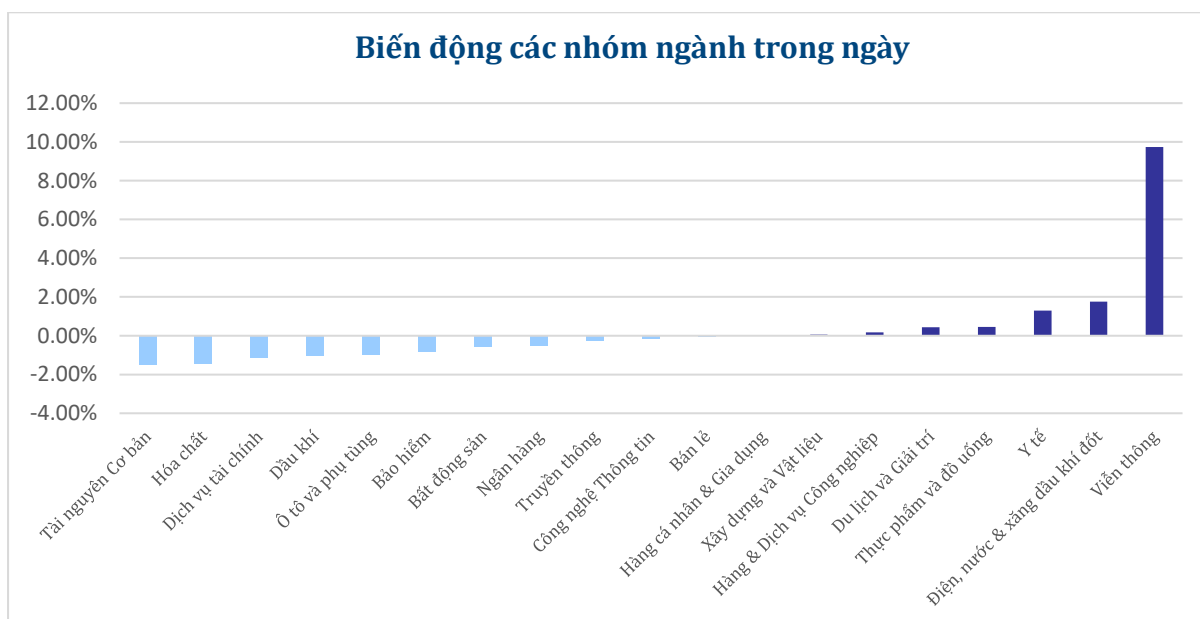


## NHÓM NGÀNH

### Thanh khoản ngành trong ngày



### Biến động các nhóm ngành trong ngày



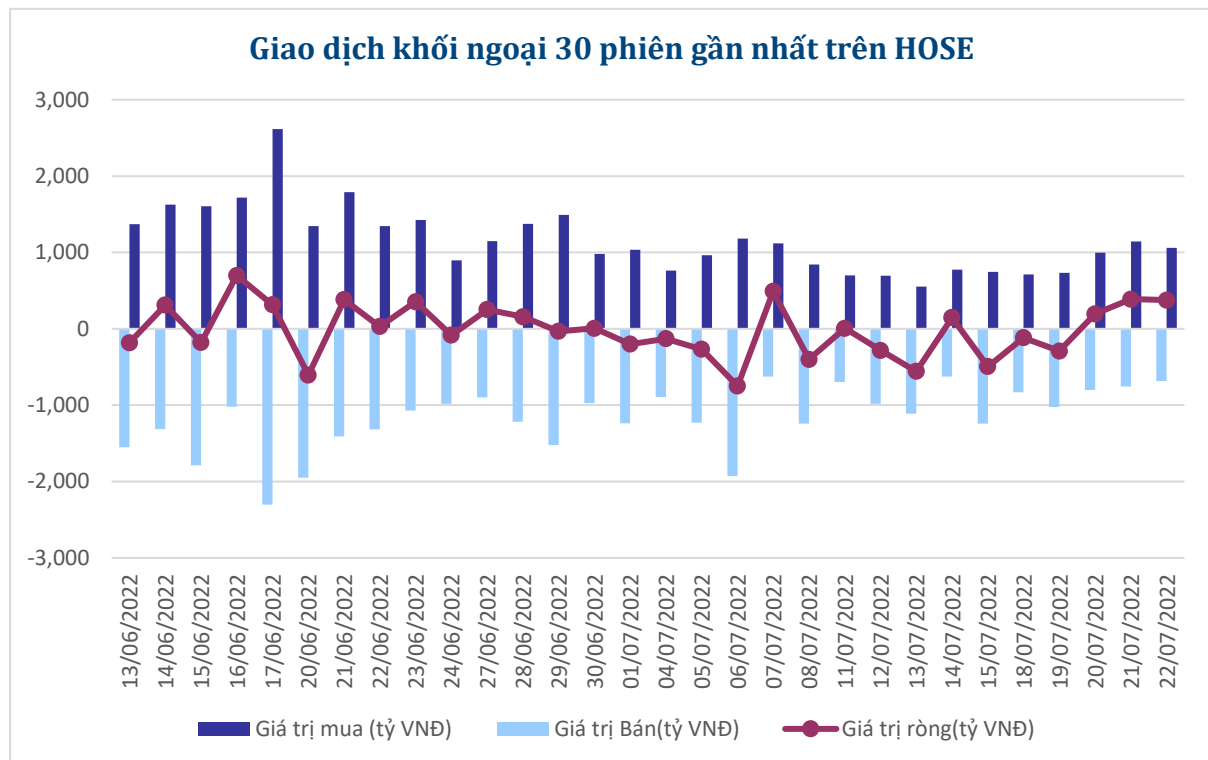




## GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

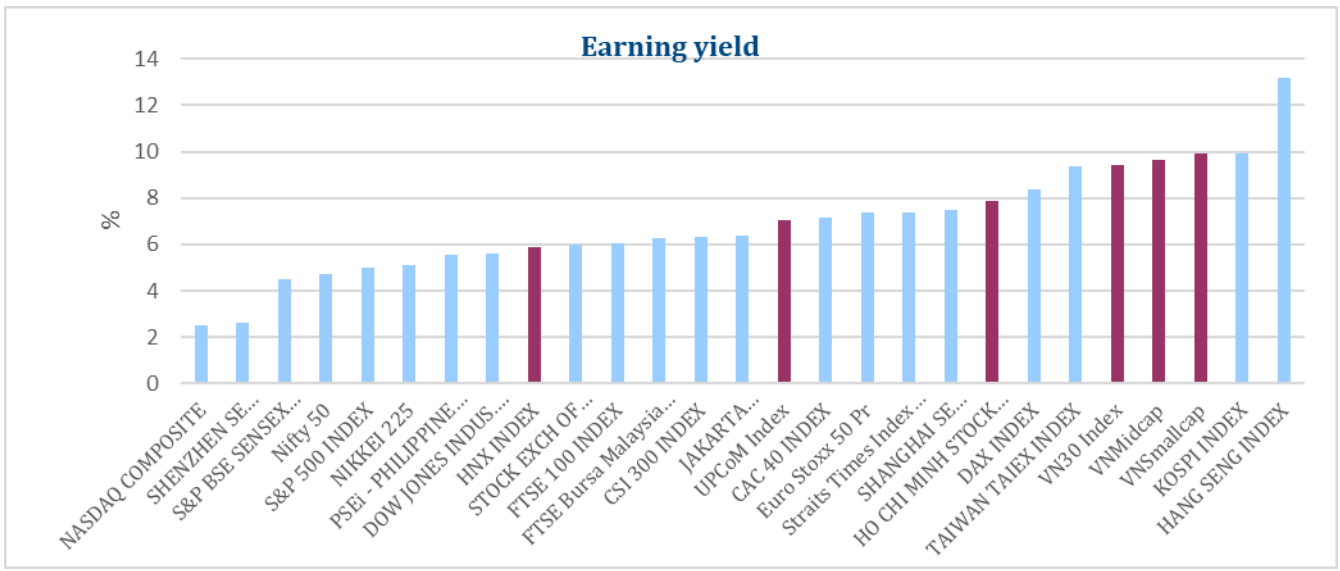
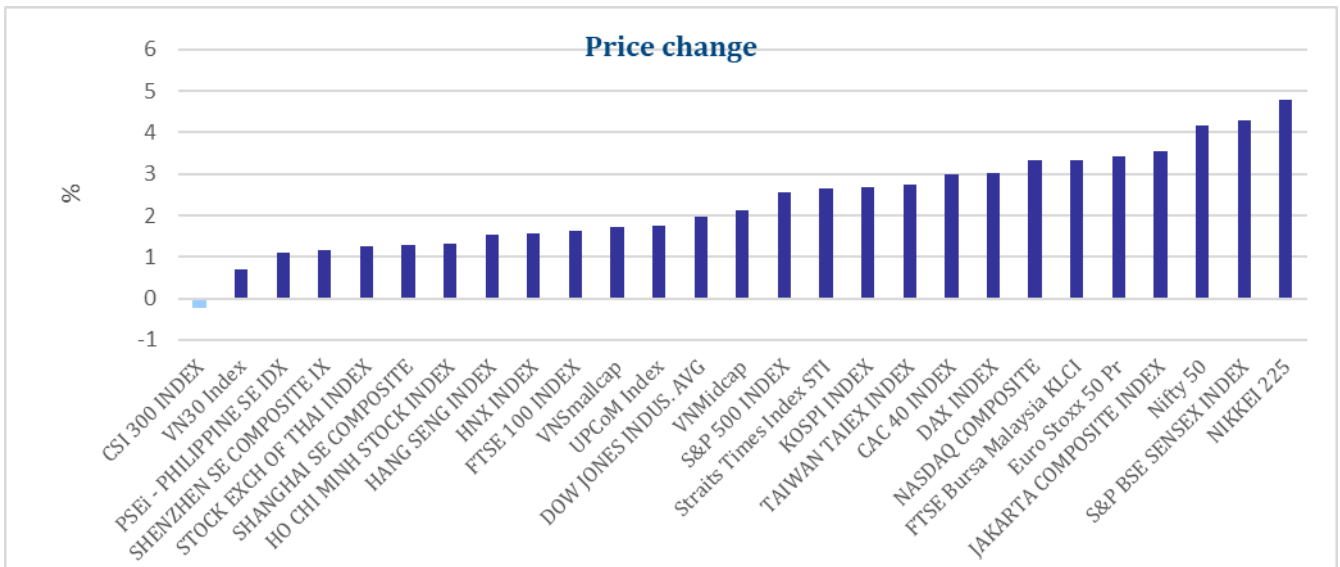
Trên HOSE bán ròng 376.51 tỷ đồng còn trên HNX mua ròng 1.55 tỷ đồng.

Top CP mua ròng	Giá trị mua ròng (tỷ đồng)	Top CP bán ròng	Giá trị bán ròng (tỷ đồng)
<b>MWG</b>	105.81	<b>KBC</b>	17.39
<b>GAS</b>	72.87	<b>VHM</b>	12.77
<b>MSN</b>	52.27	<b>E1VFN30</b>	11.87
<b>GEX</b>	47.23	<b>FUEVFN30</b>	9.68
<b>FUESSVFL</b>	23.32	<b>HPG</b>	8.45

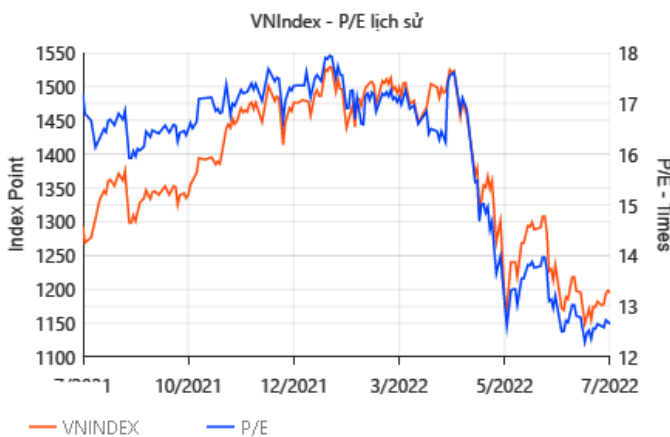




**BIẾN ĐỘNG CỦA CÁC CHỈ SỐ CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU TRONG TUẦN**

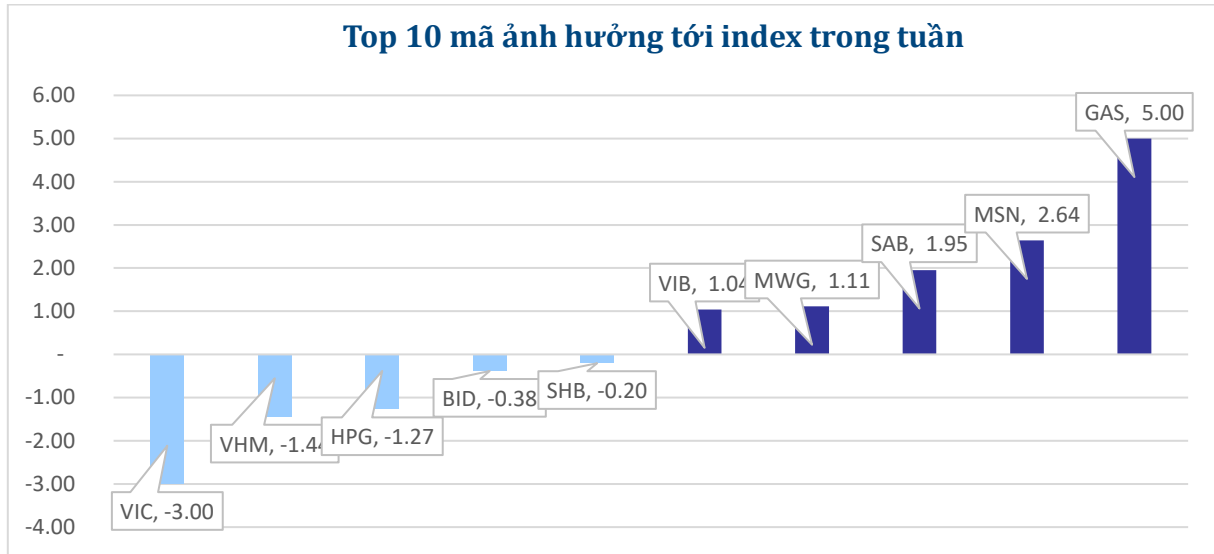


**ĐỊNH GIÁ THỊ TRƯỜNG (P/E lịch sử 12 tháng gần nhất)**



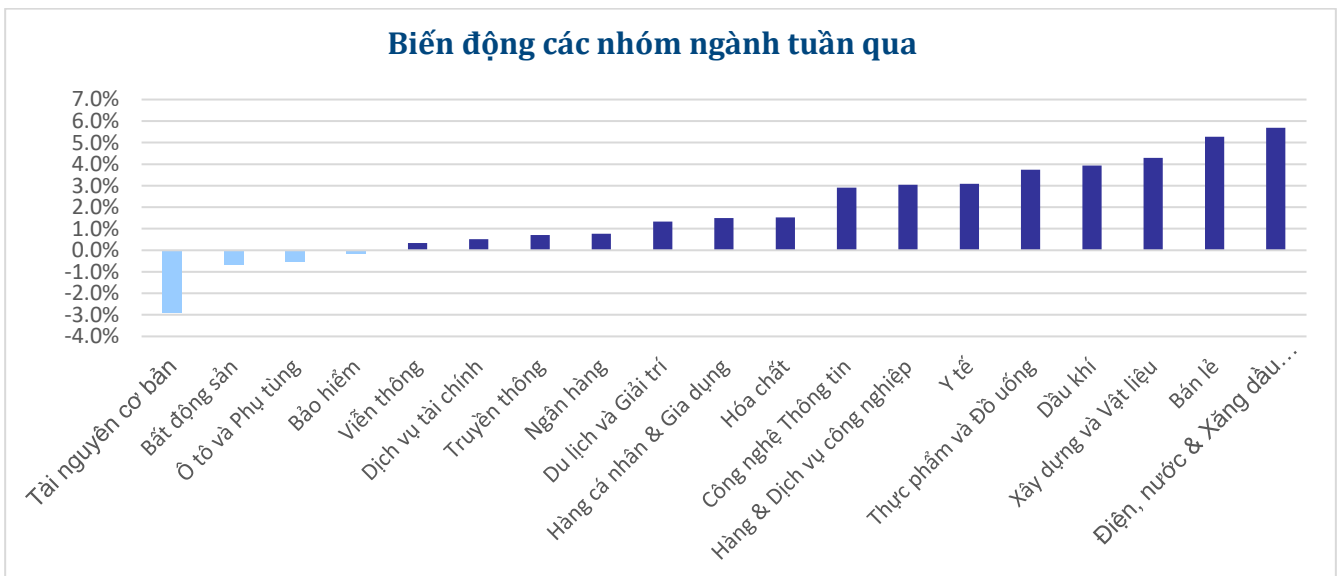


**CỔ PHIẾU NỔI BẬT TUẦN QUA**



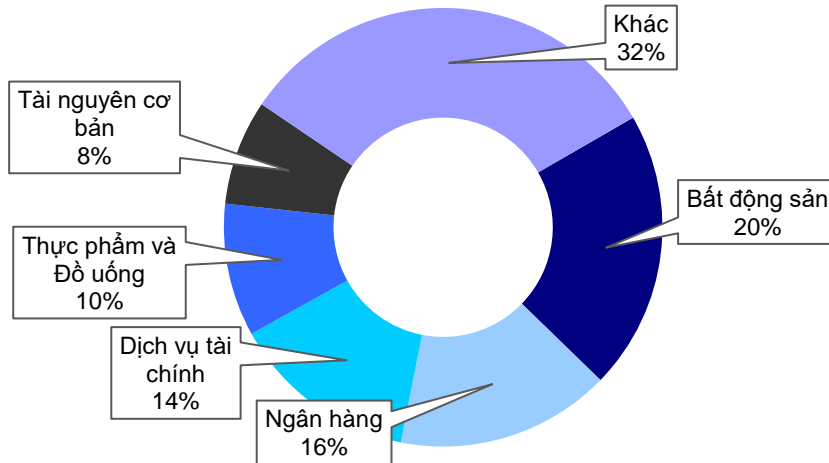
Top KLGD (triệu cp/phiên)		Top GTGD (tỷ đồng/phiên)		Đột biến khối lượng (KLtuan/KL3thang) đv: lần		Top tăng điểm với thanh khoản cao		Top giảm điểm với thanh khoản cao	
HPG	18.6	DIG	434.6	AMV	2.67x	DGW	16.2%	CTF	-16.7%
VND	19.5	HPG	419.2	HNG	2.57x	VGC	15.2%	L14	-8.2%
SSI	18.8	SSI	396.1	D2D	2.44x	CKG	14.1%	APS	-7.0%
HPG	18.6	VND	372.0	DBC	2.27x	GAS	10.6%	BAF	-6.8%
HNG	17.6	STB	308.3	MWG	1.85x	HQC	10.5%	APG	-4.5%

**NHÓM NGÀNH TRONG TUẦN**





### Đóng góp thanh khoản trong tuần

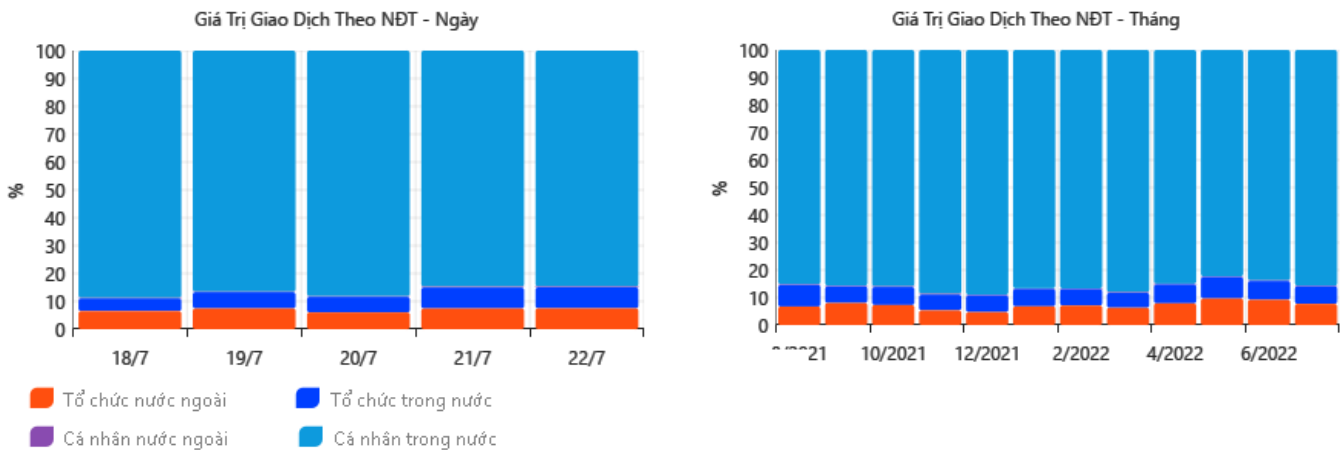


### DÒNG TIỀN TRÊN THỊ TRƯỜNG

#### GIAO DỊCH THEO NHÀ ĐẦU TƯ

Top giao dịch của Cá nhân			Top giao dịch của Tổ chức		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
DIG	3.82%	4,304.6	MWG	4.88%	1,230.3
SSI	-0.95%	3,674.8	FPT	3.53%	1,182.4
HPG	-4.31%	3,557.1	VHM	-2.17%	1,038.1
VND	0.26%	3,517.4	MSN	7.21%	721.7
HAG	-1.81%	2,993.8	HPG	-4.31%	699.8

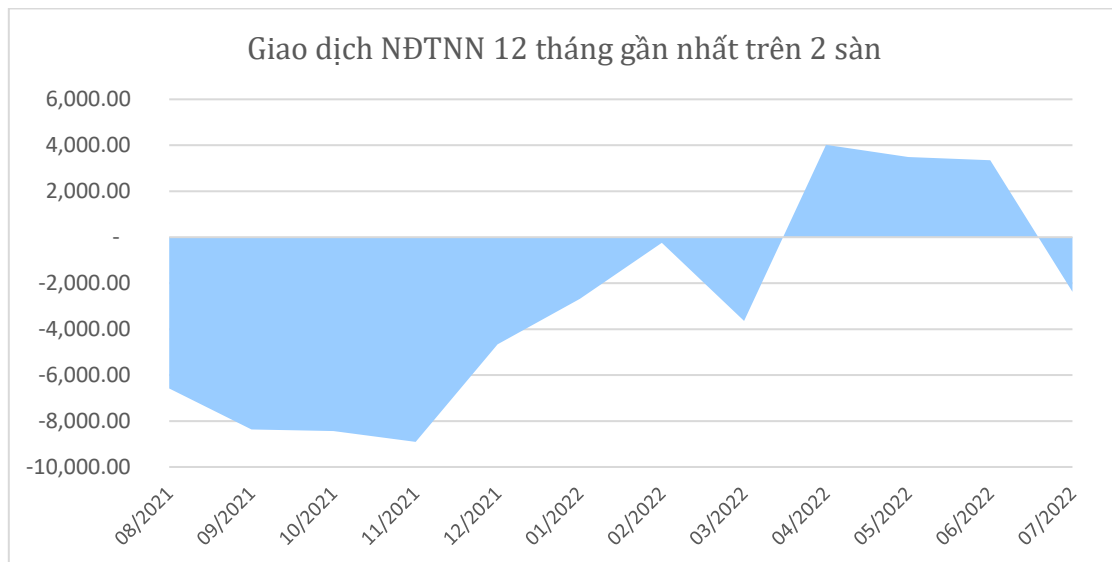
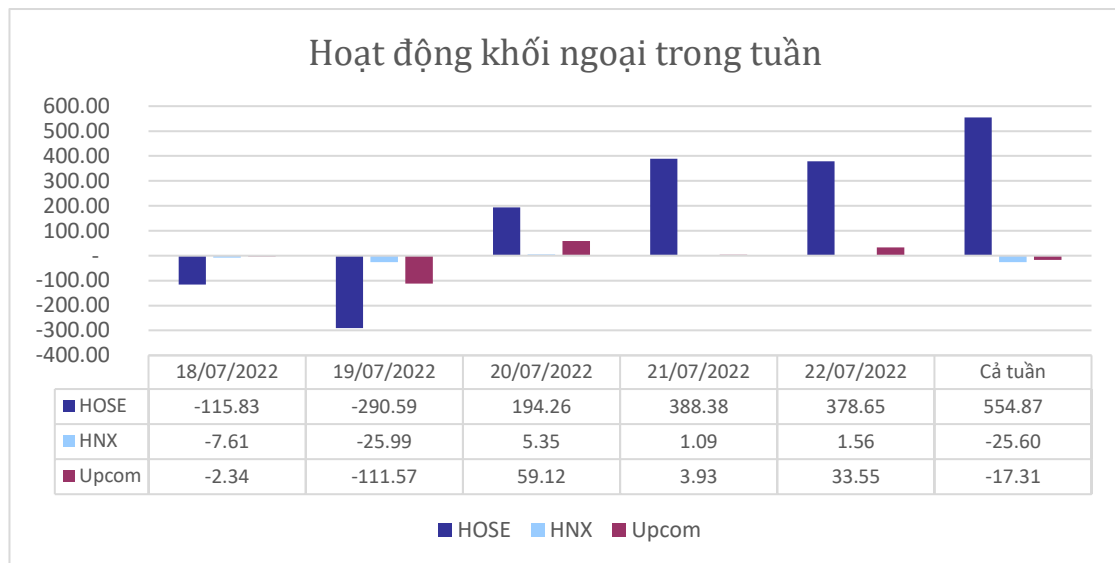
#### Tỷ trọng giao dịch





**KHỐI NGOẠI**

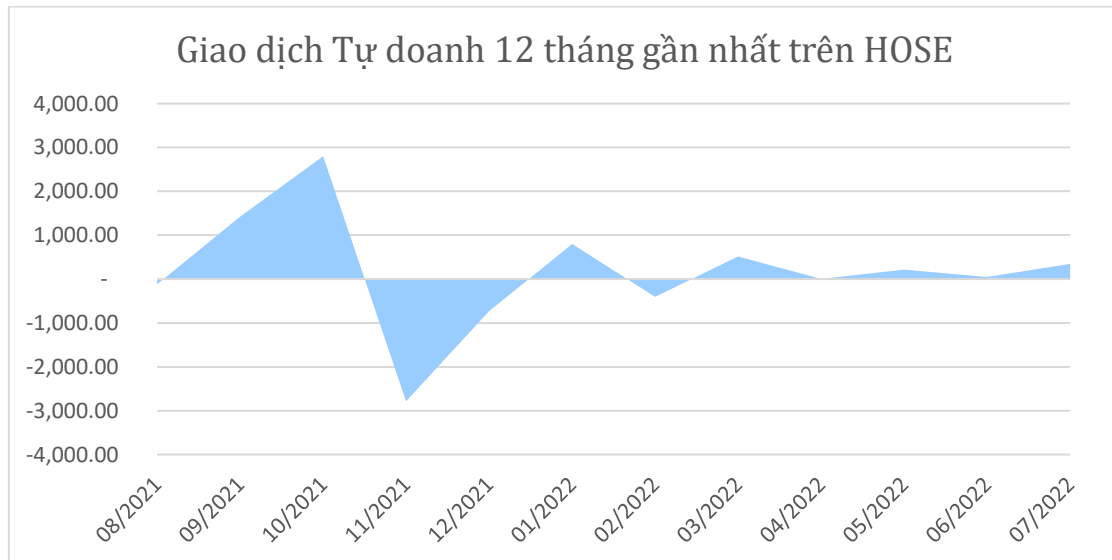
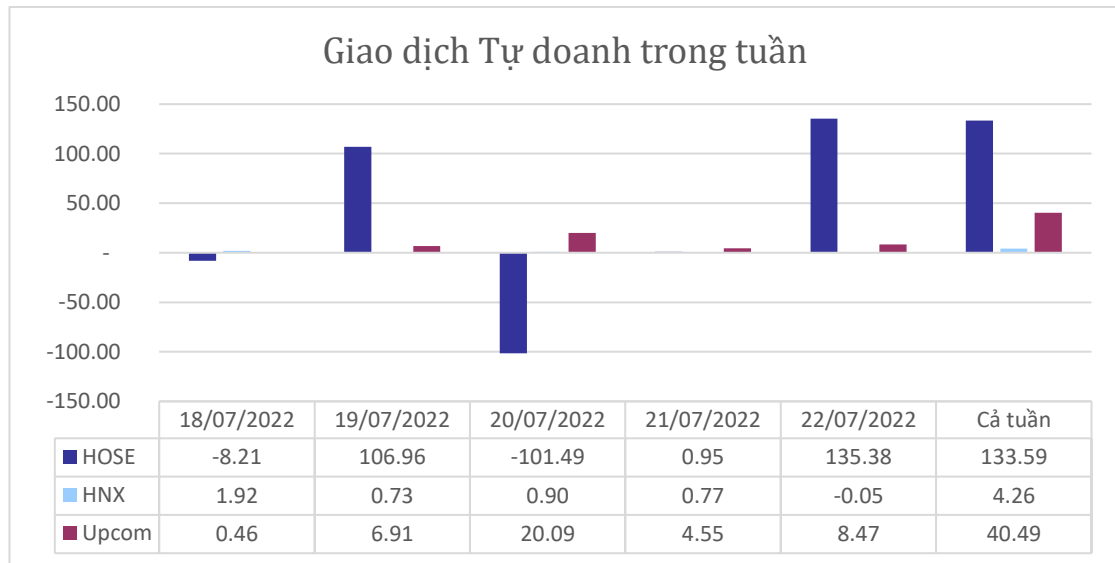
Top khối ngoại mua ròng			Top khối ngoại bán ròng		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
<b>GAS</b>	10.56%	187.33	<b>HPG</b>	-4.31%	128.44
<b>MWG</b>	4.88%	137.44	<b>FUEVFNVD</b>	3.41%	99.63
<b>VND</b>	0.26%	103.01	<b>VHM</b>	-2.17%	89.11
<b>SSI</b>	-0.95%	94.39	<b>FPT</b>	3.53%	71.46
<b>VNM</b>	0.56%	91.14	<b>STB</b>	0.00%	51.03





**KHỐI TỰ DOANH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN**

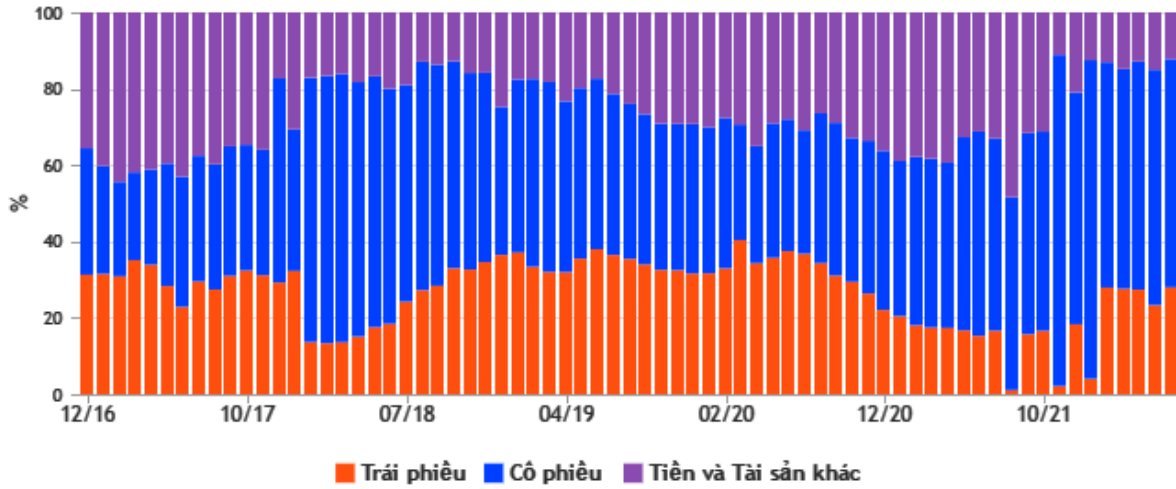
Top Tự doanh Mua ròng			Top Tự doanh Bán ròng		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
FUEVFNVD	3.41%	155.58	MWG	4.88%	101.83
MSN	7.21%	115.60	FPT	3.53%	77.79
GAS	10.56%	114.84	PNJ	0.88%	64.86
E1VFN30	1.26%	62.58	FUESSVFL	1.22%	60.30
GEX	7.58%	44.39	REE	3.85%	58.12



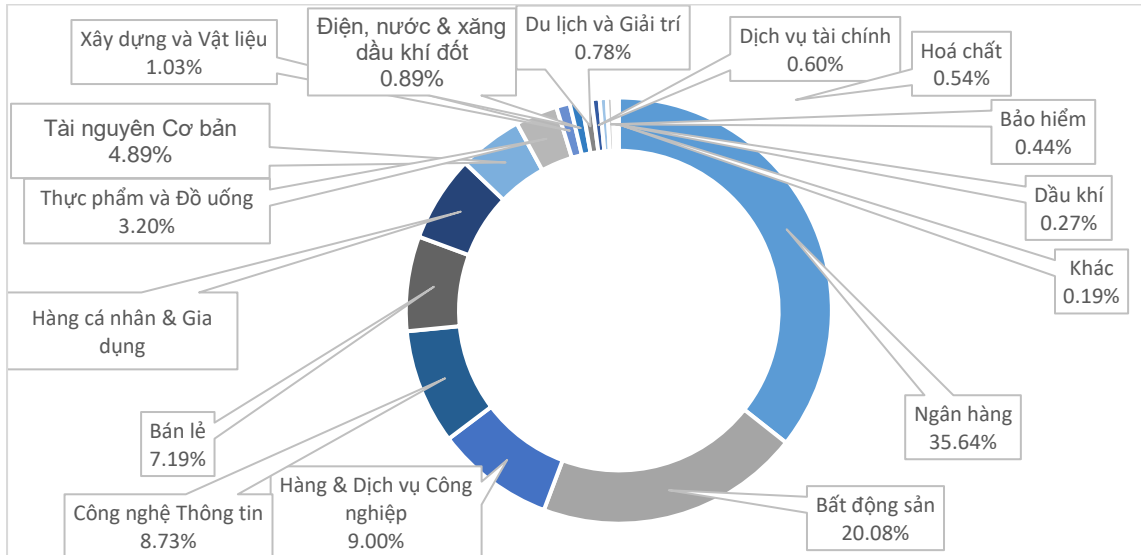


**TỔ CHỨC (do finrpo flatform theo dõi)**

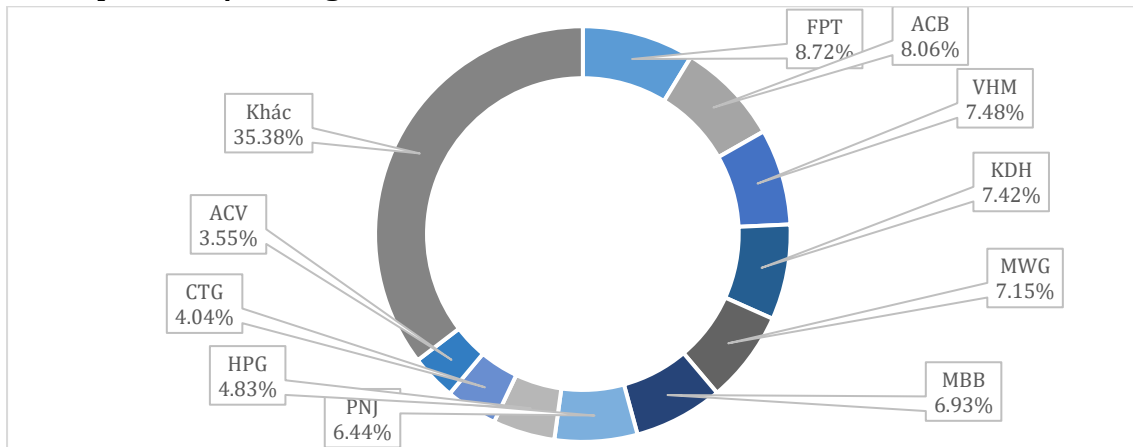
**Phân bố tài sản**



**Phân bố các khoản đầu tư theo ngành**



**Các cổ phiếu được nắm giữ nhiều nhất**





**LỊCH SỰ KIỆN TUẦN TỚI**

MÃ CK	SÀN	NỘI DUNG SỰ KIỆN	NGÀY GD KHQ	NGÀY ĐK CC	NGÀY THỰC HIỆN
ITS	Upcom	Giao dịch 1.259.924 cổ phiếu ĐKGD bổ sung	25/07/22	25/07/22	25/07/22
DNH	Upcom	Trả cổ tức đợt cuối năm 2021 (700 đ/cp)	25/07/22	26/07/22	26/08/22
MED	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (250 đ/cp)	25/07/22	26/07/22	08/08/22
FTS	HSX	Trả cổ tức năm 2021 (500 đ/cp), thưởng cp (tỷ lệ 100:20)	25/07/22	26/07/22	05/08/22
C22	Upcom	Trả cổ tức năm 2021 (1.800 đ/cp)	25/07/22	26/07/22	05/08/22
DNC	HNX	Trả cổ tức bằng cổ phiếu (tỷ lệ 25%)	25/07/22	26/07/22	25/07/22
LDP	HNX	Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022	25/07/22	26/07/22	25/07/22
PSD	HNX	Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022	25/07/22	26/07/22	25/07/22
SDH	Upcom	Hủy ĐKGD cổ phiếu	25/07/22	25/07/22	25/07/22
XDH	Upcom	Giao dịch 8.189.992 cổ phiếu ĐKGD bổ sung	25/07/22	25/07/22	25/07/22
SCL	Upcom	Trả cổ tức bằng cổ phiếu (tỷ lệ 10%)	26/07/22	27/07/22	26/07/22
PJS	Upcom	Trả cổ tức (600 đ/cp)	26/07/22	27/07/22	15/08/22
CKA	Upcom	Trả cổ tức năm 2021 (3.500 đ/cp)	26/07/22	27/07/22	12/08/22
TSJ	Upcom	Trả cổ tức năm 2021 (350 đ/cp)	26/07/22	27/07/22	26/08/22
HPG	HSX	Giao dịch 1.341.862.994 cp niêm yết bổ sung			26/07/22
BSR	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (300đ/cp)	26/07/22	27/07/22	31/08/22
VC2	HNX	Giao dịch đầu tiên 7.199.410 cổ phiếu niêm yết bổ sung			26/07/22
TV4	HNX	Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022	27/07/22	28/07/22	27/07/22
VXP	Upcom	Trả cổ tức năm 2021 (1.400 đ/cp)	27/07/22	28/07/22	15/08/22
BT6	Upcom	ĐHCĐ thường niên 2022	27/07/22	28/07/22	09/09/22
NUE	Upcom	Trả cổ tức năm 2021 (689 đ/cp)	28/07/22	29/07/22	15/08/22
ECI	HNX	Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022	28/07/22	29/07/22	28/07/22
CE1	Upcom	Trả cổ tức năm 2020 (500 đ/cp)	28/07/22	29/07/22	19/08/22
DC4	HSX	Giao dịch 2.499.723 cp niêm yết bổ sung			28/07/22
PPH	Upcom	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	28/07/22	29/07/22	28/07/22
VDS	HSX	Trả cổ tức bằng cp (tỷ lệ 100:35), thưởng cp (tỷ lệ 10:1), bán ưu đãi (tỷ lệ 2:1)	29/07/22	01/08/22	29/07/22
GLT	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (2.000 đ/cp)	29/07/22	01/08/22	11/08/22
SD2	HNX	Hủy niêm yết 14.423.536 cổ phiếu			29/07/22
PDC	HNX	Hủy niêm yết 15.000.000 cổ phiếu			29/07/22
DHN	Upcom	Trả cổ tức còn lại năm 2021 (600 đ/cp)	29/07/22	01/08/22	11/08/22
YBM	HSX	Chi trả cổ tức năm 2021 (1.000 đ/cp)	29/07/22	01/08/22	31/08/22
CMD	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.500đ/cp)	29/07/22	01/08/22	10/08/22
TST	HNX	Hủy niêm yết 4.800.000 cổ phiếu			29/07/22





**XẾP HẠNG CỔ PHIẾU**

Chỉ số tham chiếu: **VN - Index.**

Kỳ hạn đầu tư: **6 đến 18 tháng**

<b>Khuyến nghị</b>	<b>Định nghĩa</b>
<b>Mua</b>	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng $\geq 15\%$ Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
<b>Tích lũy</b>	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ 5% đến 15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
<b>Trung lập</b>	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -5% đến 5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng trung lập
<b>Giảm tỷ trọng</b>	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -15% to -5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực
<b>Bán</b>	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng nhỏ hơn -15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực

**XẾP HẠNG NGÀNH**

Chỉ số tham chiếu: **VN - Index**

Kỳ hạn đầu tư: **6 đến 18 tháng**

<b>Xếp loại</b>	<b>Định nghĩa</b>
<b>Vượt trội</b>	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index lớn hơn 5% Hoặc triển vọng ngành tích cực
<b>Trung lập</b>	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index từ -5% đến 5% Hoặc triển vọng ngành trung lập
<b>Kém hiệu quả</b>	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index nhỏ hơn -5% Hoặc triển vọng ngành kém tích cực

**KHUYẾN CÁO**

Các nhận định trong báo cáo này phản ánh quan điểm riêng của chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này về mã chứng khoán hoặc tổ chức phát hành. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo và không nên xem báo cáo này là nội dung tư vấn đầu tư chứng khoán khi đưa ra quyết định đầu tư và Nhà đầu tư phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại nào là hệ quả phát sinh từ hoặc liên quan tới việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào được đề cập trong bản báo cáo này.

Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này nhận được thù lao dựa trên các yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng và độ chính xác của nghiên cứu, phản hồi của khách hàng, yếu tố cạnh tranh và doanh thu của công ty. Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam và cán bộ, Tổng giám đốc, nhân viên có thể có một mối liên hệ đến bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này (hoặc trong bất kỳ khoản đầu tư nào có liên quan).

Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này nỗ lực để chuẩn bị báo cáo trên cơ sở thông tin được cho là đáng tin cậy tại thời điểm công bố. Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam không tuyên bố hay cam đoan, bảo đảm về tính đầy đủ và chính xác của thông tin đó. Các quan điểm và ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện quan điểm của chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo tại thời điểm công bố và không được hiểu là quan điểm của Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam và có thể thay đổi mà không cần báo trước.

Báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin cho các Nhà đầu tư bao gồm nhà đầu tư tổ chức và nhà đầu tư cá nhân của Guotai Junan Việt Nam tại Việt Nam và ở nước ngoài theo luật pháp và quy định có liên quan rõ ràng tại quốc gia nơi báo cáo này được phân phối và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua, bán hay nắm giữ chứng khoán cụ thể nào ở bất kỳ quốc gia nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng Nhà đầu tư. Nhà đầu tư hiểu rằng có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này.

Nội dung của báo cáo này, bao gồm nhưng không giới hạn nội dung khuyến cáo không phải là căn cứ để Nhà đầu tư hay một bên thứ ba yêu cầu Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam và/hoặc chuyên viên chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào với Nhà đầu tư hay một bên thứ ba liên quan đến quyết định đầu tư của Nhà đầu tư và/hoặc nội dung của báo cáo này.

Bản báo cáo này không được sao chép, xuất bản hoặc phân phối lại bởi bất kỳ đối tượng nào cho bất kỳ mục đích nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của đại diện có thẩm quyền của Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam. Vui lòng dẫn nguồn khi trích dẫn.



**GUOTAI JUNAN VIETNAM RESEARCH & INVESTMENT STRATEGY**

**Đỗ Trung Nguyên**

Chief Investment strategy

[nguyendt@gtjas.com.vn](mailto:nguyendt@gtjas.com.vn)

(024) 35.730.073 – ext:702

**Võ Thế Vinh**

Head of Research

[vinhvt@gtjas.com.vn](mailto:vinhvt@gtjas.com.vn) - ext:701



LIÊN HỆ	TRỤ SỞ CHÍNH HÀ NỘI	CHI NHÁNH TP. HCM
Điện thoại tư vấn: (024) 35.730.073	P9-10, Tầng 1, Chamvit Tower	Lầu 4, Số 2 BIS, Công Trường Quốc Tế, P. 6, Q. 3, Tp.HCM
Điện thoại đặt lệnh: (024) 35.779.999	Điện thoại: (024) 35.730.073	Điện thoại: (028) 38.239.966
Email: <a href="mailto:info@gtjas.com.vn">info@gtjas.com.vn</a> Website: <a href="http://www.gtjai.com.vn">www.gtjai.com.vn</a>	Fax: (024) 35.730.088	Fax: (028) 38.239.696